



Số: 1736/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa công thức pha sẵn Leankid 100+Grow
2. Mã số mẫu: 0120500/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong hộp 110 mL, thông tin mẫu đánh máy dán trên hộp.
Số lượng: 4; NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 31/01/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 31/01/2020 - 10/02/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Địa chỉ: Số 5, Ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Aldrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.2	Hàm lượng Alpha Cypermethrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.3	Hàm lượng Chlordane	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.4	Hàm lượng Cyfluthrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.5	Hàm lượng Cyhalothrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.6	Hàm lượng Cypermethrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.7	Hàm lượng DDT	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.8	Hàm lượng Deltamethrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.9	Hàm lượng Dieldrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.10	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.11	Hàm lượng Flumethrin	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.12	Hàm lượng Lindane	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.13	Hàm lượng Dimethoate	mg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.14	Hàm lượng Disulfoton	mg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.15	Hàm lượng Imidocarb	mg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thái Duyệt - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84 - 2432262215 / 84 - 2432262216 * Fax: 84- 2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.39*	Hàm lượng Procain benzylpenicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.40*	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.41*	Hàm lượng Tylosin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.42	Hàm lượng Colistin	µg/kg	NIFC.04.M.014 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 20 µg/kg)
9.43*	Hàm lượng Clenbuterol	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,15 µg/kg)
9.44*	Hàm lượng Thiabendazole	µg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.45*	Hàm lượng Albendazole	µg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.46*	Hàm lượng Eprinomectin	µg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.47*	Hàm lượng Isometamidium	µg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 20 µg/kg)
9.48*	Hàm lượng Ivermectin	µg/kg	NIFC.04.M.023 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.49	Hàm lượng Chlormequat	µg/kg	NIFC.04.M.026 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
9.50	Hàm lượng Ethephon	µg/kg	NIFC.04.M.026 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



PHỤ TRÁCH KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu theo mẫu quy định

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số / No: 53681/9 / QC-PTN 12

- Tên mẫu thử / *Name of sample*: Sữa công thức pha sẵn Leankid 100+ Grow
- Ký hiệu mẫu / *Sample No.*: 2019/0614-2/HS1
- Tình trạng mẫu / *Status of sample*: 04 hộp x 180ml
- Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 18/11/2019
- Nơi gửi mẫu / *Customer*: Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / *Test duration*: Từ ngày/ *From*: 18/11/2019 đến ngày/ *To*: 23/12/2019
- Nơi thử nghiệm / *Place of testing*: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

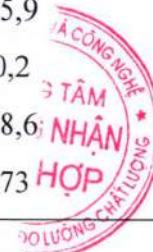
STT <i>Item</i>	Tên chỉ tiêu thử <i>Specifications</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả <i>Results</i>
1	Protein*	g/180ml	TCVN 8099-1:2009	5,34
2	Béo *	g/180ml	TCVN 7084:2010	6,14
3	Carbohydrate	g/180ml	Food energy method of analysis and conversion factor	15,17
4	Năng lượng	Kcal/180ml	Food energy method of analysis and conversion factor	136,9
5	Vitamin A	IU/180ml	HD/HS1/077	253,8
6	Vitamin D3	IU/180ml	HD/HS1/041	136,8
7	Vitamin E*	IU/180ml	HD/HS1/040	5,3
8	Vitamin K1	µg/180ml	HD/HS1/077	5,72
9	Vitamin K2	µg/180ml	HD/HS1/077	7,23
10	Vitamin C*	mg/180ml	AOAC 985.33:2012	2,69
11	Vitamin B1*	µg/180ml	HD/HS1/039	169,2
12	Vitamin B2*	µg/180ml	HD/HS1/042	194,4
13	Vitamin B3*	µg/180ml	HD/HS1/045	1152,0
14	Vitamin B5	µg/180ml	HD/HS1/048	203,0
15	Vitamin B6*	µg/180ml	HD/HS1/116	163,8
16	Folic acid	µg/180ml	HD/HS1/047	26,37
17	Biotin	µg/180ml	HD/HS1/051	3,65
18	Vitamin B12*	µg/180ml	HD/HS1/049	0,48

Số / No: 5368/19 / QC-PTN 12

(Tiếp theo trang 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
19	Taurine*	mg/180ml	HD/HS1/057	11,48
20	Lysine*	mg/180ml	HD/HS1/075	353,3
21	Natri*	mg/180ml	AOAC 2011.14.2012	87,3
22	Kali*	mg/180ml	AOAC 2011.14.2012	234,2
23	Iot	µg/180ml	TCVN 7080:2002	26,28
24	Canxi*	mg/180ml	TCVN 6838:2011	237,6
25	Magie	mg/180ml	AOAC 986.15.1012	21,96
26	Kẽm*	mg/180ml	AOAC 999.11.2012	0,84
27	Sắt*	mg/180ml	AOAC 999.11.2012	0,84
28	Photpho*	mg/180ml	TCVN 9043:2012	175,9
29	Đồng*	µg/180ml	AOAC 999.11.2012	60,2
30	Mangan	µg/180ml	AOAC 985.35.1012	138,6
31	Selenium	µg/180ml	AOAC 986.15.2012	3,73

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.



Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Hà nội, ngày 24 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Mỹ



VILAS 710 Lê Thị Việt Hồng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Quân



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số / No: 5367/19 / QC-PTN 119

- Tên mẫu thử / Name of sample: Sữa công thức pha sẵn Leankid 100+ Grow
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2019/0614-1/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 04 hộp x 180ml
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 18/11/2019
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày / From: 18/11/2019 đến ngày / To: 23/12/2019
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Salmonella /25ml		TCVN 10780-1:2017	KPH
2	Enterobacteriaceae*	CFU/ml	TCVN 5518-2:2007	KPH (< 1,0)
3	Listeria monocytogenes	CFU/ml	TCVN 7700-2:2007	KPH (< 1,0 x 10 ¹)
4	Chì*	mg/l	AOAC 999.11.2012	KPH (LOD = 0,02)
5	Cadimi*	mg/l	AOAC 999.11.2012	KPH (LOD = 0,02)
6	Thủy ngân*	mg/l	TCVN 7604:2007	KPH (LOD = 0,05)
7	Asen*	mg/l	AOAC 986.15.2012	KPH (LOD = 0,5)
8	Aflatoxin M1	µg/l	HD/HS1/111	KPH (LOD = 0,02)
9	Patulin*	µg/l	HD/HS1/146	KPH (LOD = 1,0)
10	Fumonisin	µg/l	HD/HS1/164	KPH (LOD = 10,0)
11	Melamin	mg/l	TCVN 9048:2012	KPH (LOD = 0,001)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst

Vũ Duy Diệu

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.



VILAS 710

Lê Thị Việt Hồng

Hà nội, ngày 24 tháng 12 năm 2019

Giám đốc
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Cường

8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
T +84 (24) 3756 1025
F +84 (24) 3756 3188
E quacert@quacert.gov.vn
W www.quacert.gov.vn

1 Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test result are value only for samples taken by client.

2 Tên mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of samples are reported as the client's request.

3 Không được trích sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của QUACERT.
The test report shall not be reproduced except in full without the written approval of QUACERT.